

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

2. Bà: Nguyễn Thị Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Kim N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đặng Thường N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2008, chị N với anh N tự nguyện sống chung, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị N với anh N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị N và anh N đã ly thân, không còn sống chung. Tình cảm không còn, chị N không đồng ý tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh N, yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Chị N với anh N có 02 con chung tên là Đặng Bảo T, sinh ngày 04/11/2007 và Đặng Cao Th, sinh ngày 03/5/2015; đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn anh Đặng Thường N trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2007, chị N với anh N tự nguyện sống chung, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị N với anh N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh N và chị N đã ly thân, không còn sống chung. Chị N yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý.

Về con chung: Anh N với chị N có 02 con chung tên là Đặng Bảo T, sinh ngày 04/11/2007 và Đặng Cao Th, sinh ngày 03/5/2015; đang sống chung với chị N. Anh N đồng ý để chị N tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T và cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh N không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh N.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 04/11/2007 và Đặng Cao Th, sinh ngày 03/5/2015 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N sống chung với anh N vào năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị N với anh N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã ly thân, không còn sống chung, chị N không đồng ý tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh N. Do đó chị N yêu cầu ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, theo công văn số 04/UBND-TPHP ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã Y về việc kiểm tra, xác minh lưu giữ sổ hộ tịch (bút lục số 07) và biên bản xác minh ngày 05/4/2023 (bút lục số 20) cho thấy qua kiểm tra sổ bộ lưu hộ tịch thì không thể hiện chị N và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình: “c. Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng ...”. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh N.

- Xét về con chung: Chị N với anh N có 02 con chung tên là Đặng Bảo T, sinh ngày 04/11/2007 và Đặng Cao Th, sinh ngày 03/5/2015, đang sống chung

với chị N; cháu T và cháu Th có nguyện vọng sống chung trực tiếp với chị N sau khi chị N và anh N ly hôn; anh N cũng đồng ý để chị N tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T và cháu Th. Do đó, chị N yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T và cháu Th là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên chấp nhận. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Kim N với anh Đặng Thường N.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 04/11/2007 và Đặng Cao Th, sinh ngày 03/5/2015 cho chị Trần Thị Kim N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đặng Thường N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

+ Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0026824 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây; nên chị N đã nộp xong án phí.

+ Anh N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N và anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu